



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN GIÁO DỤC PHƯƠNG NAM**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	4 - 5
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 309/NXBGDQĐ ngày 23/03/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103006644 ngày 09/05/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 8 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 23/11/2021 và mã số doanh nghiệp hiện nay là 0304952106), hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 458/QĐ - SGDHN ngày 11/08/2009 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SED. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 19/08/2009.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 028 73035556
- Fax: (84) 028 38300702
- Website: www.phuongnam.edu.vn

Lĩnh vực kinh doanh chính

Sản xuất và kinh doanh thương mại các loại sách và thiết bị giáo dục.

Nhân sự

Tổng số nhân viên tại ngày 31/12/2024 là 117 người (tại ngày 01/01/2024 là 110 người). Trong đó, nhân viên quản lý là 25 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|----------------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Lê Huy | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 09/04/2022 |
| • Ông Đinh Gia Lê | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 09/04/2022 |
| • Bà Lê Phương Mai | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 09/04/2022 |
| • Ông Nguyễn Phong Yên | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 09/04/2022 |
| • Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 14/04/2023 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|-----------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Đỗ Huy Kiên | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 09/04/2022 |
| • Bà Nguyễn Thị Chanh | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 09/04/2022 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bà Lê Thị Tuyết Minh Ủy viên Bỏ nhiệm ngày 09/04/2022

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- Bà Lê Phương Mai Tổng Giám đốc Bỏ nhiệm ngày 18/11/2021
- Bà Mai Ngọc Liên Phó Tổng Giám đốc Tái bổ nhiệm ngày 12/06/2024
- Bà Bùi Thu Giang Phó Tổng Giám đốc Bỏ nhiệm ngày 18/11/2021
- Ông Nguyễn Phong Yên Phó Tổng Giám đốc Bỏ nhiệm ngày 31/05/2022
- Bà Phạm Lan Anh Kế toán trưởng Bỏ nhiệm lại ngày 31/05/2022

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dnng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc


Lê Phương Mai

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2025



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Số 218 (Lô 78-80) Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 249/2025/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 12/03/2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”), đính kèm từ trang 4 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 03 năm 2025

Đỗ Thị Thanh Vân – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1483-2023-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 01 – DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		506.663.217.988	428.718.041.355
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	96.240.197.333	78.267.307.155
1. Tiền	111		23.240.197.333	58.267.307.155
2. Các khoản tương đương tiền	112		73.000.000.000	20.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		152.714.248.789	58.543.523.508
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	157.361.676.535	63.273.603.777
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	534.172.834	1.470.248.096
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8.a	3.599.998.981	739.279.072
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(8.781.599.561)	(6.939.607.437)
IV. Hàng tồn kho	140	10	256.553.584.894	284.119.977.038
1. Hàng tồn kho	141		315.881.287.825	325.990.072.811
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(59.327.702.931)	(41.870.095.773)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.155.186.972	7.787.233.654
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.a	1.155.186.972	7.787.233.654
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		100.355.100.398	104.530.253.740
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		22.222.369.898	22.610.089.898
1. Phải thu dài hạn khác	216	8.b	22.222.369.898	22.610.089.898
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		54.776.306.719	57.123.397.601
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	54.776.306.719	57.123.397.601
- Nguyên giá	222		78.604.311.297	78.068.127.157
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.828.004.578)	(20.944.729.556)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	-	-
- Nguyên giá	228		1.839.737.688	1.839.737.688
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.839.737.688)	(1.839.737.688)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		770.000.000	770.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	14	770.000.000	770.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		22.586.423.781	24.026.766.241
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.b	22.586.423.781	24.026.766.241
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		607.018.318.386	533.248.295.095

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		273.149.526.052	236.089.840.210
I. Nợ ngắn hạn	310		273.149.526.052	236.089.840.210
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	43.068.573.137	46.739.325.681
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	2.488.330.529	3.807.086.518
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	21.666.609.389	11.771.364.905
4. Phải trả người lao động	314		36.085.251.964	17.118.942.279
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	92.216.567.385	66.597.575.270
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	92.592.200	377.566.680
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	53.416.894.433	70.355.235.700
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		24.114.707.015	19.322.743.177
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		333.868.792.334	297.158.454.885
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	333.868.792.334	297.158.454.885
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21	(71.500.000)	(71.500.000)
3. Cổ phiếu quỹ	415	21	(11.541.426.210)	(11.541.426.210)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	192.977.228.612	172.691.066.328
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	21	1.886.452.483	1.886.452.483
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	50.618.037.449	34.193.862.284
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		50.618.037.449	34.193.862.284
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		607.018.318.386	533.248.295.095


Tổng Giám đốc


Lê Phương Mai

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2025

Kế toán trưởng


Phạm Lan Anh

Người lập


Nguyễn Thị Phương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024


Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	22	1.337.505.037.043	1.050.476.910.141
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	6.271.499.227	9.313.060.157
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		1.331.233.537.816	1.041.163.849.984
4. Giá vốn hàng bán	11	24	1.021.823.786.446	781.034.714.550
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>309.409.751.370</u>	<u>260.129.135.434</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	4.886.096.583	2.551.421.806
7. Chi phí tài chính	22	26	4.954.336.090	5.947.965.698
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.308.853.208	4.583.836.084
8. Chi phí bán hàng	25	27.a	154.596.347.258	129.220.716.088
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27.b	76.278.479.052	69.620.608.665
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>78.466.685.553</u>	<u>57.891.266.789</u>
11. Thu nhập khác	31	28	354.545.455	41.151.853
12. Chi phí khác	32		153.628.595	426.025.113
13. Lợi nhuận khác	40		<u>200.916.860</u>	<u>(384.873.260)</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>78.667.602.413</u>	<u>57.506.393.529</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	17.682.015.126	16.308.969.090
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>60.985.587.287</u>	<u>41.197.424.439</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	5.459	3.688
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	5.459	3.688



Tổng Giám đốc

Lê Phương Mai
Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2025

Kế toán trưởng


Phạm Lan Anh

Người lập


Nguyễn Thị Phương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 03 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	1.235.826.709.069	1.053.671.590.297
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(1.103.628.283.411)	(982.862.463.690)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(57.887.487.498)	(40.938.672.242)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(3.068.769.346)	(4.613.585.539)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(10.527.876.635)	(13.246.684.034)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	11.183.454.475	6.028.410.599
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(22.443.792.665)	(17.382.347.742)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	49.453.953.989	656.247.649
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(1.949.337.278)	-
2. Tiền thu từ TLÝ, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	354.545.455	41.818.181
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	-	10.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	950.506.779	795.593.362
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(644.285.044)	10.837.411.543
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	162.856.564.878	204.800.048.768
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(179.794.906.145)	(195.102.828.393)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(13.898.437.500)	(13.907.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(30.836.778.767)	(4.210.479.625)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	17.972.890.178	7.283.179.567
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	78.267.307.155	70.984.127.588
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	96.240.197.333	78.267.307.155



Tổng Giám đốc

Lê Phương Mai

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2025

Kế toán trưởng

Phạm Lan Anh

Người lập

Nguyễn Thị Phương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động**1.1. Khái quát chung**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 309/NXBGDQĐ ngày 23/03/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103006644 ngày 09/05/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 8 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 23/11/2021 và mã số doanh nghiệp hiện nay là 0304952106), hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh thương mại các loại sách và thiết bị giáo dục.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.4 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện khấu hao nhanh gấp hai lần đối với các tài sản cố định là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị dụng cụ quản lý. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5

4.5 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm	3

4.6 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tồn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở Báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Căn cứ vào tính chất và mức độ của chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản vay được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong niên độ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cầu phân vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều niên độ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng niên độ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.13 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận năm trước nhưng sau ngày kết thúc niên độ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của năm sau.

4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.18 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - + Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - + Sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa: Áp dụng thuế suất 5%;
 - + Lịch, thiết bị giáo dục: Áp dụng thuế suất 10%. Trong giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024, các sản phẩm này được áp dụng thuế suất 8% theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP và Nghị định số 72/2024/NĐ-CP của Chính phủ.
 - + Các hoạt động khác: Áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	01/01/2024
Tiền mặt	162.942.812	93.543.209
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.077.254.521	58.173.763.946
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn không quá 3 tháng	73.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	96.240.197.333	78.267.307.155

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Tiền Giang	23.930.579.225	9.134.675.155
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Cửu Long	-	5.219.738.735
Các đối tượng khác	133.431.097.310	48.919.189.887
Cộng	157.361.676.535	63.273.603.777

Trong đó, tổng giá trị các khoản phải thu đã thế chấp để đảm bảo các khoản nợ vay tại thời điểm 31/12/2024 tối thiểu là 70.000.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Mối quan hệ		31/12/2024	01/01/2024
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư	7.419.418.561	2.202.556.968
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hà Nội	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư	-	565.110.840
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Đà Nẵng	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư	-	307.255.498
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Chung công ty đầu tư	154.957.731	371.129.234
Công ty CP In sách giáo khoa tại TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư	-	-
Công ty CP Sách thiết bị trường học Cần Thơ	Chung công ty đầu tư	5.150.327.638	2.160.899.450
Công ty CP Học liệu	Chung công ty đầu tư	3.050.743.401	1.308.494.181
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. HCM	Chung công ty đầu tư	-	-
Công ty CP Sách - Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư	81.760.799	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	3.637.815.039	2.388.199.451
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty đầu tư	-	5.219.738.735
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư	2.769.899.952	1.206.008.687
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư	2.442.037.317	1.406.197.299
Cộng		24.706.960.438	17.135.590.343

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Viện nghiên cứu sách và học liệu giáo dục	397.195.416	1.000.000.000
Phải trả cho các đối tượng khác	136.977.418	470.248.096
Cộng	534.172.834	1.470.248.096

Trong đó: Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan

Mối quan hệ		31/12/2024	01/01/2024
Viện nghiên cứu sách và học liệu giáo dục	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư	397.195.416	1.000.000.000
Cộng		397.195.416	1.000.000.000

8. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về thuế TNCN của NLD	3.071.877.981	-	522.794.955	-
Tạm ứng	-	-	97.627.673	-
Ký quỹ, ký cược	528.121.000	-	110.412.000	-
Lãi dự thu	-	-	8.444.444	-
Cộng	3.599.998.981	-	739.279.072	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (*)	22.222.369.898	22.222.369.898
Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	387.720.000
Cộng	22.222.369.898	22.610.089.898

(*) Là khoản góp vốn với Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (đơn vị trực thuộc của Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam – bên liên quan của Công ty) để xây dựng Cao ốc văn phòng tại 104 Mai Thị Lựu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh ba bên số 108HD/2011 ngày 01/04/2011 và các phụ lục điều chỉnh. Tổng số vốn góp là 50 tỷ đồng, trong đó Công ty góp 22,5 tỷ đồng. Ngày 01/07/2014, các bên đã thống nhất ký Phụ lục hợp đồng số 01 giao cho Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam thực hiện dự án thay thế cho chủ thể cũ là Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh. Theo báo cáo kiểm toán dự án hoàn thành với tổng giá trị quyết toán công trình 49.383.044.219 đồng, trong đó giá trị góp của Công ty là 22.222.369.898 đồng (tương ứng tỷ lệ 45%). Ngày 15/12/2018, các bên đã thống nhất ký Phụ lục hợp đồng số 02 nhằm thay đổi tỷ lệ phân chia lợi nhuận trước thuế, cụ thể như sau: Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (37,5%), Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (25%), Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (37,5%).

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm 2024	Năm 2023
Dự phòng nợ phải thu khó đòi đầu năm	6.939.607.437	8.232.414.278
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi trong năm	1.841.992.124	-
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi trong năm	-	1.292.806.841
Dự phòng nợ phải thu khó đòi cuối năm	8.781.599.561	6.939.607.437

10. Hàng tồn kho

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	28.881.715.830	747.882.525	42.909.691.394	1.495.482.512
Chi phí SX, KD dở dang	6.171.843.138	-	14.395.954.977	-
Thành phẩm	58.383.288.065	16.502.098.281	89.651.583.109	10.578.174.549
Hàng hóa	222.444.440.792	42.077.722.125	179.032.843.331	29.796.438.712
Cộng	315.881.287.825	59.327.702.931	325.990.072.811	41.870.095.773

- Giá trị hàng tồn kho chậm luân chuyển, ứ đọng tại 31/12/2024 là 123.983.031.554 đồng.
- Giá trị hàng tồn kho đã cầm cố, thế chấp để đảm bảo các khoản nợ vay tại thời điểm 31/12/2024 tối thiểu là 90.000.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Thuế GTGT đầu vào chờ phân bổ cho hàng chưa tiêu thụ	-	3.066.844.424
Chi phí tổ chức bán thảo	926.226.972	4.162.469.230
Chi phí trả trước khác	228.960.000	557.920.000
Cộng	1.155.186.972	7.787.233.654

b. Dài hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Chi phí bảo hiểm nhân thọ cho CBNV	1.262.150.000	2.012.350.000
Chi phí thuê đất (*)	21.324.273.781	22.014.416.241
Cộng	22.586.423.781	24.026.766.241

(*)Xem Thuyết minh số 35.

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	58.772.601.672	3.960.756.230	14.961.234.687	373.534.568	78.068.127.157
Mua sắm trong năm	-	-	1.949.337.278	-	1.949.337.278
T/lý, nhượng bán	-	-	1.413.153.138	-	1.413.153.138
Số cuối năm	58.772.601.672	3.960.756.230	15.497.418.827	373.534.568	78.604.311.297
Khấu hao					
Số đầu năm	4.007.841.389	1.770.611.634	14.854.521.418	311.755.115	20.944.729.556
Khấu hao trong năm	2.382.538.575	1.319.925.075	532.185.057	61.779.453	4.296.428.160
T/lý, nhượng bán	-	-	1.413.153.138	-	1.413.153.138
Số cuối năm	6.390.379.964	3.090.536.709	13.973.553.337	373.534.568	23.828.004.578
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	54.764.760.283	2.190.144.596	106.713.269	61.779.453	57.123.397.601
Số cuối năm	52.382.221.708	870.219.521	1.523.865.490	-	54.776.306.719

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 12.420.272.430 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	1.839.737.688	1.839.737.688
Mua sắm trong năm	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	1.839.737.688	1.839.737.688
Khấu hao		
Số đầu năm	1.839.737.688	1.839.737.688
Khấu hao trong năm	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	1.839.737.688	1.839.737.688
Giá trị còn lại	-	-
Số đầu năm	-	-
Số cuối năm	-	-

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 1.839.737.688 đồng.
- Không có tài sản cố định vô hình dùng để cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2024.

14. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2024					01/01/2024	
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác							
- Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định (*)	Đang hoạt động	7,50%	7,50%	770.000.000	-	770.000.000	-
Cộng				770.000.000	-	770.000.000	-

(*) Cổ phiếu của Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định hiện không niêm yết tại các Sở Giao dịch chứng khoán. Kết quả kinh doanh năm 2024 của Công ty này có lãi và không có lỗ lũy kế tính đến thời điểm ngày 31/12/2024. Do đó, khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hồ Chí Minh	14.763.189.196	7.968.329.649
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	2.145.332.328	2.700.296.648
Công ty CP giấy CP	17.086.901.684	11.765.103.607
Phải trả cho các đối tượng khác	9.073.149.929	24.305.595.777
Cộng	43.068.573.137	46.739.325.681

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2024	01/01/2024
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư	14.763.189.196	7.968.329.649
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư	176.000.000	188.722.955
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư	2.145.332.328	2.700.296.648
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư	1.999.656.464	4.295.828.584
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty đầu tư	773.199.410	-
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư	-	1.001.995.733
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	94.705.680	189.497.699
Cộng		19.952.083.078	16.344.671.268

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. HCM	-	86.745.208
Công ty CP Sách - Thiết Bị Vĩnh Long	338.835.484	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Bình Phước	306.985.263	-
Đối tượng khác	1.842.509.782	3.720.341.310
Cộng	2.488.330.529	3.807.086.518

Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. HCM	Chung công ty đầu tư	-	86.745.208
Cộng		-	86.745.208

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số dư đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số dư cuối năm	
	Số phải thu/ Còn được khấu trừ	Số phải nộp			Số phải thu/ Còn được khấu trừ	Số phải nộp
Thuế GTGT	-	1.416.572.704	2.634.916.768	3.744.628.747	-	306.860.725
Thuế TNDN	-	7.773.858.049	17.682.015.126	10.527.876.635	-	14.927.996.540
Thuế TNCN	-	2.580.934.152	10.001.321.745	6.150.503.773	-	6.431.752.124
Thuế môn bài	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Thuế nhà thầu	-	-	14.118.973	14.118.973	-	-
Cộng	-	11.771.364.905	30.336.372.612	20.441.128.128	-	21.666.609.389

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Chi phí phải trả về biên tập sách	977.682.500	1.948.652.500
Chi phí lãi vay phải trả	342.904.176	102.820.314
Phí bản quyền và chi phí bản thảo phải trả	89.142.761.812	62.153.230.600
Chi phí phải trả khác	1.753.218.897	2.392.871.856
Cộng	92.216.567.385	66.597.575.270

19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024	01/01/2024
Kinh phí công đoàn	83.329.700	377.566.680
Cổ tức phải trả	9.262.500	-
Cộng	92.592.200	377.566.680

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay ngắn hạn	70.355.235.700	162.856.564.878	179.794.906.145	53.416.894.433
Ngân hàng HSBC	33.899.465.804	98.010.984.562	104.104.533.893	27.805.916.473
Ngân hàng Standard Chartered	18.771.418.586	57.991.124.736	51.151.565.362	25.610.977.960
Ngân hàng HongLeong Bank	17.684.351.310	6.854.455.580	24.538.806.890	-
Cộng	70.355.235.700	162.856.564.878	179.794.906.145	53.416.894.433

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2023	100.000.000.000	(71.500.000)	(11.541.426.210)	155.131.558.902	1.886.452.483	31.467.207.426	276.872.292.601
Tăng trong năm	-	-	-	17.559.507.426	-	41.197.424.439	58.756.931.865
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	38.470.769.581	38.470.769.581
Số dư tại 31/12/2023	100.000.000.000	(71.500.000)	(11.541.426.210)	172.691.066.328	1.886.452.483	34.193.862.284	297.158.454.885
Số dư tại 01/01/2024	100.000.000.000	(71.500.000)	(11.541.426.210)	172.691.066.328	1.886.452.483	34.193.862.284	297.158.454.885
Tăng trong năm	-	-	-	20.286.162.284	-	60.985.587.287	81.271.749.571
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	44.561.412.122	44.561.412.122
Số dư tại 31/12/2024	100.000.000.000	(71.500.000)	(11.541.426.210)	192.977.228.612	1.886.452.483	50.618.037.449	333.868.792.334

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	43.390.000.000	43.390.000.000
Các cổ đông khác	49.328.000.000	49.328.000.000
Cổ phiếu quỹ (tính theo mệnh giá)	7.282.000.000	7.282.000.000
Cộng	100.000.000.000	100.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	728.200	728.200
- Cổ phiếu phổ thông	728.200	728.200
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.271.800	9.271.800
- Cổ phiếu phổ thông	9.271.800	9.271.800
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	34.193.862.284	31.467.207.426
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm nay	60.985.587.287	41.197.424.439
Phân phối lợi nhuận	44.561.412.122	38.470.769.581
Phân phối lợi nhuận kỳ trước	34.193.862.284	31.467.207.426
- Trích quỹ đầu tư phát triển	20.286.162.284	17.559.507.426
- Chia cổ tức cho cổ đông	13.907.700.000	13.907.700.000
Phân phối lợi nhuận kỳ này	10.367.549.838	7.003.562.155
- Trích khen thưởng phúc lợi	7.318.270.474	4.943.690.933
- Trích quỹ thù lao, khen thưởng Ban điều hành	3.049.279.364	2.059.871.222
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	50.618.037.449	34.193.862.284

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023 và tạm phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 15/NQHCD-SED ngày 22/04/2024.

e. Cổ tức

Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 ngày 22/04/2024 đã thông qua phương án chia cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 với tỷ lệ 15% (tương ứng 13.907.700.000 đồng). Theo đó, Công ty đã chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức vào ngày 31/05/2024, ngày thực hiện chi trả: 14/06/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024	Năm 2023
Doanh thu xuất bán phẩm	1.320.664.551.394	1.025.413.982.804
Doanh thu khác	16.840.485.649	25.062.927.337
Cộng	1.337.505.037.043	1.050.476.910.141

23. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2024	Năm 2023
Hàng bán bị trả lại	605.742.671	4.471.049.215
Chiết khấu thương mại	5.665.756.556	4.842.010.942
Cộng	6.271.499.227	9.313.060.157

24. Giá vốn hàng bán

	Năm 2024	Năm 2023
Giá vốn xuất bán phẩm	991.348.264.078	741.157.559.770
Giá vốn sản phẩm khác	13.017.915.210	21.413.047.520
Trích/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	17.457.607.158	18.464.107.260
Cộng	1.021.823.786.446	781.034.714.550

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
Lãi tiền gửi	749.562.335	788.412.806
Cổ tức, lợi nhuận được chia	192.500.000	-
Chiết khấu thanh toán	3.944.034.248	1.763.009.000
Cộng	4.886.096.583	2.551.421.806

26. Chi phí tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí lãi vay	3.308.853.208	4.583.836.084
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	1.645.482.882	1.364.129.614
Cộng	4.954.336.090	5.947.965.698

27. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí vận chuyển	10.295.384.188	10.407.222.093
Tiền lương và các khoản trích theo lương	42.157.744.080	28.923.884.620
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	3.702.763.650	3.937.104.264
Chi phí mua ngoài	65.006.270.380	53.842.657.098
Các khoản khác	33.434.184.960	32.109.848.013
Cộng	154.596.347.258	129.220.716.088

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024	Năm 2023
Tiền lương và các khoản trích theo lương	39.537.932.973	27.400.781.648
Chi phí khấu hao tài sản cố định	593.664.510	2.099.945.408
Trích/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.841.992.124	(1.292.806.841)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.540.160.994	23.746.556.158
Các khoản khác	23.764.728.451	17.666.132.292
Cộng	76.278.479.052	69.620.608.665

28. Thu nhập khác

	Năm 2024	Năm 2023
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	354.545.455	39.151.853
Thu nhập khác	-	2.000.000
Cộng	354.545.455	41.151.853

29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024	Năm 2023
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	78.667.602.413	57.506.393.529
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	5.972.380.284	14.058.501.348
Điều chỉnh tăng	6.164.880.284	14.058.501.348
Điều chỉnh giảm	192.500.000	-
Tổng thu nhập tính thuế	84.639.982.697	71.564.894.877
Thuế Thu nhập doanh nghiệp năm nay	16.927.996.539	14.312.978.975
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	17.682.015.126	16.308.969.090

Trong đó:

- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	16.927.996.540	14.312.978.975
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	754.018.586	1.995.990.115

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60.985.587.287	41.197.424.439
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(10.367.549.838)	(7.003.562.155)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi) và quỹ ban điều hành	10.367.549.838	7.003.562.155
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	50.618.037.449	34.193.862.284
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9.271.800	9.271.800
Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu	5.459	3.688

31. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	65.697.163.452	75.192.712.773
Chi phí nhân công	81.695.677.053	56.324.666.268
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.296.428.160	6.037.049.672
Chi phí dịch vụ mua ngoài	287.970.746.764	244.952.122.323
Chi phí khác bằng tiền	57.651.499.303	50.049.011.461
Cộng	497.311.514.732	432.555.562.497

32. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Năm 2024	Hoạt động sản xuất	Hoạt động thương mại	Tổng
Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ	511.250.285.529	826.254.751.514	1.337.505.037.043
Các khoản giảm trừ	3.973.649.190	2.297.850.037	6.271.499.227
Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	507.276.636.339	823.956.901.477	1.331.233.537.816
Giá vốn hàng bán	299.800.798.602	722.022.987.844	1.021.823.786.446
Lợi nhuận gộp	207.475.837.737	101.933.913.633	309.409.751.370
Chi phí bán hàng			154.596.347.258
Chi phí quản lý doanh nghiệp			76.278.479.052
Doanh thu hoạt tài chính			4.886.096.583
Chi phí tài chính			4.954.336.090
Chi phí lãi vay			3.308.853.208
Thu nhập khác			354.545.455
Chi phí khác			153.628.595
Lãi (lỗ) trong công ty liên kết			-
Lợi nhuận kế toán trước thuế			78.667.602.413

Năm 2023	Hoạt động sản xuất	Hoạt động thương mại	Tổng
Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ	412.653.863.257	637.823.046.884	1.050.476.910.141
Các khoản giảm trừ	6.720.164.450	2.592.895.707	9.313.060.157
Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	405.933.698.807	635.230.151.177	1.041.163.849.984
Giá vốn hàng bán	239.846.333.910	541.188.380.640	781.034.714.550
Lợi nhuận gộp	166.087.364.897	94.041.770.537	260.129.135.434
Chi phí bán hàng			129.220.716.088
Chi phí quản lý doanh nghiệp			69.620.608.665
Doanh thu hoạt tài chính			2.551.421.806
Chi phí tài chính			5.947.965.698
Chi phí lãi vay			4.583.836.084
Thu nhập khác			41.151.853
Chi phí khác			426.025.113
Lãi (lỗ) trong công ty liên kết			-
Lợi nhuận kế toán trước thuế			57.506.393.529

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. Quản lý rủi ro**a. Quản lý rủi ro về vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu phát sinh từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Công ty chủ yếu vay vốn ngắn hạn với lãi suất cố định. Do đó, rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Chi phí giấy và chi phí công in là 2 khoản chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí sản xuất. Do đó để giảm thiểu rủi ro từ việc thay đổi về giá của hàng hóa, dịch vụ đầu vào Công ty lựa chọn những nhà cung cấp uy tín, quan hệ kinh doanh lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Công ty còn tham khảo giá giữa các nhà cung cấp khác nhau để đảm bảo mua hàng với mức giá hợp lý. Với chính sách quản lý về giá như trên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro do biến động giá của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty phần lớn là các công ty trong hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, thanh toán tiền hàng kịp thời. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro tín dụng của Công ty ở mức kiểm soát được.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và các đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	43.068.573.137	-	43.068.573.137
Chi phí phải trả	92.216.567.385	-	92.216.567.385
Vay và nợ thuê tài chính	53.416.894.433	-	53.416.894.433
Phải trả khác	9.262.500	-	9.262.500
Cộng	188.711.297.455	-	188.711.297.455

01/01/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	46.739.325.681	-	46.739.325.681
Chi phí phải trả	66.597.575.270	-	66.597.575.270
Vay và nợ thuê tài chính	70.355.235.700	-	70.355.235.700
Cộng	183.692.136.651	-	183.692.136.651

Công ty hiện không có rủi ro thanh khoản ngắn hạn. Do đó, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có khả năng thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	96.240.197.333	-	96.240.197.333
Đầu tư tài chính	-	770.000.000	770.000.000
Phải thu khách hàng	148.580.076.974	-	148.580.076.974
Phải thu khác	528.121.000	22.222.369.898	22.750.490.898
Cộng	245.348.395.307	22.992.369.898	268.340.765.205

01/01/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	78.267.307.155	-	78.267.307.155
Đầu tư tài chính	-	770.000.000	770.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-
Phải thu khách hàng	56.333.996.340	-	56.333.996.340
Phải thu khác	118.856.444	22.610.089.898	22.728.946.342
Cộng	134.720.159.939	23.380.089.898	158.100.249.837

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Mối quan hệ	
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (Sau đây gọi tắt là "Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam")	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hà Nội	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Đà Nẵng	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư
Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Chung công ty đầu tư
Công ty CP In sách giáo khoa tại TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách thiết bị trường học Cần Thơ	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học liệu	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. HCM	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Tập đoàn ECI	Chung công ty đầu tư
Viện nghiên cứu sách và học liệu giáo dục	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan

	Giao dịch	Năm 2024	Năm 2023
Bán hàng			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cung ứng sách giáo dục, phí hội thảo	4.470.942.700	3.397.532.274
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hà Nội	Cung ứng lịch, sách giáo dục	-	523.250.778
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Đà Nẵng	Cung ứng lịch, sách giáo dục	-	284.495.832
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hồ Chí Minh	Cung ứng sách giáo dục, phí hội thảo	110.191.476.820	29.136.621.145
	Doanh thu điều chỉnh giá bìa SGK	914.527.500	-
Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Cung ứng lịch, sách giáo dục	-	228.126.352
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Cung ứng sách giáo dục	51.827.784.440	47.994.421.908
Công ty CP Sách thiết bị trường học Cần Thơ	Cung ứng sách giáo dục	9.842.509.301	12.337.478.241
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Cung ứng lịch, sách giáo dục	-	49.920.000
Công ty CP Học liệu	Cung ứng sách giáo dục	3.359.973.500	7.089.940.736
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. HCM	Cung ứng sách giáo dục	221.638.655.323	221.766.998.509
Công ty CP Sách - Thiết bị Bình Thuận	Cung ứng sách giáo dục	12.565.111.950	13.856.013.167
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Cung ứng sách giáo dục, phí hội thảo	4.954.954.090	4.513.637.280
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cung ứng sách giáo dục, phí hội thảo	11.478.619.555	11.299.372.657
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Cung ứng sách giáo dục	10.072.560	-
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Cung ứng sách giáo dục, phí hội thảo	5.546.938.542	10.459.272.471
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cung ứng sách giáo dục	4.742.841.458	5.413.628.206
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cung ứng sách giáo dục	2.761.200	-
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Cung ứng lịch, sách giáo dục	2.197.730.374	1.828.442.966
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cung ứng sách giáo dục	455.968.335	2.057.029.800
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Cung ứng vật tư, sách giáo dục	384.202.800	199.231.201
Mua hàng			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Mua sách giáo dục, phí xuất bản	5.391.906.611	7.054.245.510
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hà Nội	Phí giới thiệu sách giáo dục	241.760.000	-
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hồ Chí Minh	Mua sách giáo dục	685.464.220.430	594.337.445.150
	Mua vật tư	1.100.940.000	1.061.700.000
	Phí xuất bản, phí bản quyền, tổ chức bản thảo	52.780.444.874	18.097.537.722
	Chi phí thuê văn phòng	1.776.775.499	1.571.641.270
Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Phí biên tập tái bản	31.416.000	-
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Mua SGK, STK	1.829.337.210	-
Công ty CP In sách giáo khoa tại TP. Hồ Chí Minh	Công in	-	636.741.254
Công ty CP Sách thiết bị trường học Cần Thơ		165.637.191	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Mua sách giáo dục	683.920.000	775.505.825
Công ty CP Học liệu	Mua sách giáo dục	17.095.360	2.667.919.620
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. HCM	Mua sách giáo dục	22.321.148.475	9.195.898.459
	Chi phí thay đổi giá sách giáo dục	130.933.889	-
Công ty CP Sách - Thiết bị Bình Thuận		232.583.065	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Mua sách hỗ trợ, sách giáo dục	5.496.213.771	2.313.798.055
	Mua sách mẫu, phí triển khai thị trường	391.324.463	-
	Phí nhuận bút, tổ chức bản thảo, chi phí thê	42.671.574.685	47.680.870.200
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Mua sách giáo dục, phí TKTT	1.589.350.285	1.417.737.307
	Phí triển khai thị trường	778.936.200	-
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Mua sách giáo dục	12.946.093.440	11.532.780.000
	Chi phí bản thảo	238.253.558	160.340.220
	Phí nhuận bút, tổ chức bản thảo	10.950.568.372	12.764.016.038
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Mua sách giáo dục	15.591.739.300	3.429.680.689
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Mua sách giáo dục, tổ chức bản thảo	464.824.649	708.631.680
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Phí tổ chức bản thảo	568.396.480	184.536.332
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Mua sách giáo dục	261.942.000	534.917.500
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Mua sách giáo dục	381.382.553	555.437.240
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Mua sách giáo dục	1.885.330.740	391.800.900

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Giao dịch		Năm 2024	Năm 2023
Khác			
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Cổ tức, lợi nhuận được chia	192.500.000	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. HCM	Chiết khấu thanh toán nhanh	282.906.146	11.404.884
	Chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại	1.125.768.732	976.359.565
Công ty CP Sách - Thiết bị Bình Thuận	Chiết khấu thanh toán nhanh	100.184.203	128.692.764
	Chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại	7.410.000	6.624.762
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Chiết khấu thanh toán nhanh	76.120.285	-
	Chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại	211.277.398	264.600.160
Công ty CP Học liệu	Chiết khấu thanh toán nhanh	1.213.600	235.538.150
	Chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại		

c. Thu nhập của cán bộ chủ chốt

			Năm 2024	Năm 2023
Lê Huy	Chủ tịch HĐQT	Thù lao	60.000.000	120.000.000
		Thưởng	209.956.636	178.000.000
Đinh Gia Lê	Ủy viên	Thù lao	72.000.000	72.000.000
		Thưởng	155.973.982	129.000.000
Lê Phương Mai	Ủy viên	Thù lao	72.000.000	72.000.000
		Thưởng	155.973.982	129.000.000
Bùi Thu Giang	Ủy viên	Thù lao	-	-
		Thưởng	-	22.500.000
Nguyễn Thị Thu Hồng	Ủy viên	Thù lao	-	18.000.000
		Thưởng	-	129.000.000
Nguyễn Phong Yên	Ủy viên	Thù lao	72.000.000	72.000.000
		Thưởng	155.973.982	106.500.000
Nguyễn Thị Thanh Xuân	Ủy viên	Thù lao	72.000.000	54.000.000
		Thưởng	116.980.486	-
Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng			4.836.333.938	4.342.599.250
Thù lao của Ban kiểm soát			136.982.655	118.801.522

35. Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký Hợp đồng thuê đất số 12/HĐTĐ/SCD-2018 ngày 19/01/2018 về việc thuê 12.571,9 m² đất ở Đường D4 và N2 Lô A 5, Khu Công Nghiệp Tân Phú Trung, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh để thực hiện dự án “Kho sách – Giấy Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam” theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7731323272 ngày 25/12/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Thời hạn thuê đất kể từ ngày 19/01/2018 đến ngày 16/12/2054.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

36. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

37. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi AAC.

Tổng Giám đốc


Lê Phương Mai

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2025

Kế toán trưởng


Phạm Lan Anh

Người lập


Nguyễn Thị Phương

